

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**(Dạng đầy đủ)****Tại ngày 30 tháng 9 năm 2014**

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2,731,649,947,114	1,660,675,423,471
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	148,115,769,407	73,328,912,771
1. Tiền	111		148,115,769,407	73,328,912,771
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		415,148,342,720	240,977,578
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	415,148,342,720	240,977,578
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		839,165,928,471	416,902,748,935
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	764,121,358,734	358,814,540,235
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	82,720,444,354	61,061,119,631
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	962,288,739	5,594,717,021
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(8,638,163,356)	(8,567,627,952)
IV. Hàng tồn kho	140		1,215,064,928,659	1,097,463,537,707
1. Hàng tồn kho	141	V.7	1,258,809,213,706	1,154,642,895,108
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(43,744,285,047)	(57,179,357,401)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		114,154,977,857	72,739,246,480
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	4,788,025,208	4,499,978,448
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		61,558,527,027	45,598,213,424
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.22	891,650,517	127,746,901
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	46,916,775,105	22,513,307,707



CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1,302,491,197,445	888,941,372,566
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		1,090,457,902,955	807,040,605,187
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	598,378,609,863	605,412,947,516
<i>Nguyên giá</i>	222		1,114,623,227,696	1,083,747,762,101
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(516,244,617,833)	(478,334,814,585)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	121,111,775,168	86,074,073,974
<i>Nguyên giá</i>	228		130,634,567,558	89,430,154,846
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(9,522,792,390)	(3,356,080,872)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	370,967,517,924	115,553,583,697
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2,767,830,567	7,697,000,726
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.14	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.15	2,767,830,567	7,697,000,726
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		112,833,460,016	74,203,766,653
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.16	82,602,485,232	48,077,487,614
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.17	7,218,550,250	3,329,418,949
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.18	23,012,424,534	22,796,860,090
VI. Lợi thế thương mại	269		96,432,003,907	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4,034,141,144,559	2,549,616,796,037

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		2,271,516,089,166	993,334,622,290
I. Nợ ngắn hạn	310		2,201,771,241,936	901,954,660,554
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.19	1,579,562,296,904	512,222,635,038
2. Phải trả người bán	312	V.20	209,249,824,473	84,102,525,240
3. Người mua trả tiền trước	313	V.21	17,827,734,191	8,372,038,166
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.22	69,197,599,124	11,873,863,732
5. Phải trả người lao động	315	V.23	58,026,610,024	53,270,413,299
6. Chi phí phải trả	316	V.24	13,403,214,424	19,912,570,969
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.25	152,813,883,300	108,043,114,010
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.26	43,100,000,000	43,100,000,000
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.27	58,590,079,496	61,057,500,100
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		69,744,847,230	91,379,961,736
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.28	63,546,765,919	84,116,433,338
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.29	6,198,081,311	7,263,528,398
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1,745,225,857,776	1,467,893,650,986
I. Vốn chủ sở hữu	410		1,745,225,857,776	1,467,893,650,986
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.30	616,027,030,000	614,049,130,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.30	190,492,000,000	190,492,000,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.30	(36,897,215,355)	(36,897,215,355)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.30	4,323,308,214	4,233,565,274
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.30	971,280,734,917	696,016,171,067
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C- LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.31	17,399,197,617	88,388,522,761
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4,034,141,144,559	2,549,616,796,037

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		3,802,364.87	1,091,851.44
Euro (EUR)		473.90	284.70
Nhân dân tệ (CNY)		3,436.00	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Đồng Tháp, ngày 13 tháng 11 năm 2014



Hà TPT Hồng Nhung

Hà TPT Hồng Nhung

Trương Thị Lệ Khanh

Hà TPT Hồng Nhung
Người lập biểu

Hà TPT Hồng Nhung
Kế toán trưởng

Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý III/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		499,559,174,050	201,395,972,377
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.11, V.12	87,483,670,673	82,734,454,844
- Các khoản dự phòng	03	V.8	(15,878,407,679)	4,516,679,045
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3, VI.4	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	8,864,333,664	(67,722,212,493)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	24,145,116,593	61,151,934,297
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		604,173,887,301	282,076,828,070
+ Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(296,733,473,205)	(63,867,466,825)
+ Tăng, giảm hàng tồn kho	10		34,243,299,244	(95,860,045,492)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		145,694,809,346	(17,404,276,097)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2,680,249,576)	(2,938,796,075)
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.24, VI.4	(24,145,116,593)	(61,870,722,018)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.22	(49,366,746,196)	(24,551,341,606)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		72,950,040,000	345,845,654
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(14,199,863,059)	(9,821,135,538)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		469,936,587,262	6,108,890,273
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.11, V.12, V.13, VII	(291,746,485,550)	(141,610,750,061)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		1,457,265,486	54,545,455
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(620,084,541,947)	(200,000,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		156,619,368,903	166,421,928,000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(151,054,656,665)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4,093,889,502	26,423,974,303
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(900,715,160,271)	(148,710,302,303)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.19	3,945,582,445,335	4,666,893,463,870
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.19, V.28	(3,274,946,021,882)	(4,453,166,385,693)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.30	(165,409,164,500)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		505,227,258,953	213,727,078,177
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		74,448,685,944	71,125,666,147
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	73,328,912,771	35,542,358,549
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		338,170,692	573,250,715
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	148,115,769,407	107,241,275,411

Đồng Tháp, ngày 13 tháng 11 năm 2014



Hà TPT Hồng Nhung
Hà TPT Hồng Nhung
Người lập biểu

Hà TPT Hồng Nhung
Hà TPT Hồng Nhung
Kế toán trưởng

Trương Thị Lệ Khanh
Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VINH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT(Đơn vị tính: VND)
Quý III/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1,693,903,293,104	1,293,629,510,295	4,305,921,820,349	3,719,502,061,206
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	810,025,484	-	2,294,428,935	8,201,563,708
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1,693,093,267,620	1,293,629,510,295	4,303,627,391,414	3,711,300,497,498
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1,405,146,171,049	1,125,816,617,901	3,712,830,137,568	3,281,906,985,589
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	20	287,947,096,571	167,812,892,394	590,797,253,846	429,393,511,909
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	194,668,423,533	28,100,716,786	209,648,327,584	79,721,585,786
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	13,772,350,405	36,053,183,437	34,523,999,147	74,177,486,130
Trong đó: chi phí lãi vay	23	23	9,762,773,490	26,679,676,387	24,145,116,593	61,151,934,297
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	72,889,502,760	59,702,513,239	185,473,920,960	170,738,619,344
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	25,888,791,136	26,467,642,524	73,462,395,752	66,838,966,242
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	30	370,064,875,803	73,690,269,980	506,985,265,571	197,360,025,979
11. Thu nhập khác	31	VI.7	4,215,330,241	8,248,667,542	5,552,264,609	8,647,086,047
12. Chi phí khác	32	VI.8	9,426,005,934	2,235,231,814	12,978,356,130	4,611,139,649
13. Lợi nhuận khác	40	40	(5,210,675,693)	6,013,435,728	(7,426,091,521)	4,035,946,398
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết liên doanh	45	45	-	-	-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	50	364,854,200,110	79,703,705,708	499,559,174,050	201,395,972,377

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ



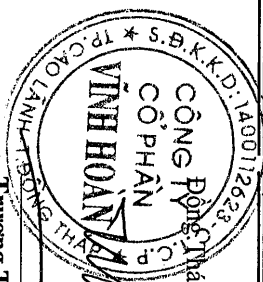
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.22	77,262,996,701	14,207,774,179	104,604,508,929	39,983,185,654
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	3,879,775,965	31,180,091	(4,954,578,388)	1,058,429,996
18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		283,711,427,444	65,464,751,438	399,909,243,509	160,354,356,727
18.1	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		9,694,551,036	5,983,629,095	24,335,435,159	10,687,796,305
18.2	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		274,016,876,408	59,481,122,343	375,573,808,350	149,666,560,422
19.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	4,536	988	6,217	2,486

[Handwritten signature]

Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Người lập biểu

[Handwritten signature]

Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Kế toán trưởng



Chấp, ngày 13 tháng 11 năm 2014

[Handwritten signature]

Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Quý III/2014

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

1. **Hình thức sở hữu vốn của Công ty mẹ** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Nuôi trồng thủy sản nội địa; Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; Mua bán thủy hải sản; Mua bán máy móc thiết bị, hóa chất, nông sản thực phẩm, súc sản, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản, chế biến thức ăn thủy hải sản; Sản xuất và mua bán thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, thuốc thú y thủy sản; Xây xát và sản xuất bột thô; bán buôn gạo.
4. **Tổng số các công ty con** : 06
Trong đó:
Số lượng các công ty con được hợp nhất : 06

5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 (*)	Quốc lộ 30, Cụm công nghiệp Thanh Bình, huyện Thanh Bình, Tỉnh Đồng Tháp.	70,00%	70,00%
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	No. 2, Mahogany Drive, Irvine, California 92620, Hoa Kỳ.	100,00%	100,00%
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2	Áp Tân An, xã Bình Thạnh Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.	99,30%	99,30%
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3	Cụm công nghiệp Trường Xuân, ấp 4, xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.	100%	100%
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5	Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.	85,00%	85,00%
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang (**)	ấp Đông Hòa, xã Đông Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.	99,06%	99,06%

(*) Ngày 31 tháng 7 năm 2014 Tập đoàn đã bán Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 nên chỉ hợp nhất số liệu 7 tháng đầu năm 2014 trên kết quả sản xuất kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(**) Ngày 7 tháng 8 năm 2014 Tập đoàn mua Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang nên chỉ hợp nhất số liệu từ tháng 8 năm 2014.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Các Công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tăng hoặc giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

6. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 03 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06

8. Tài sản thuê hoạt động

Tập đoàn là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

mặt bằng, lệ phí trước bạ, ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không tính khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời hạn sử dụng.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 đến 05 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các ao nuôi cá, mua sắm tài sản cố định và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

12. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 02 - 06 năm.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất các Công ty trong Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

Chi phí thành lập

Chi phí thành lập bao gồm các chi phí phát sinh cho việc thành lập doanh nghiệp được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh.

Chi phí trước hoạt động

Chi phí trước hoạt động bao gồm các chi phí đào tạo, quảng cáo và khuyến mãi trước khi chính thức hoạt động sản xuất kinh doanh. Các chi phí này được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh.

13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Tập đoàn phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương bình quân làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc và được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Tập đoàn phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Tập đoàn không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

15. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

16. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

17. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

18. Trích lập các quỹ

Quỹ khen thưởng, phúc lợi nhằm mục đích khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người lao động. Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

20. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi các Công ty trong Tập đoàn có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi các Công ty trong Tập đoàn mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2013 : 21.036 VND/USD
30/09/2014 : 21.246 VND/USD

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

22. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

23. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

24. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

25. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

26. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VIII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	7.829.986.207	2.826.153.335

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền gửi ngân hàng	140.285.783.200	70.502.759.436
Cộng	148.115.769.407	73.328.912.771
2. Đầu tư ngắn hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng đến dưới 01 năm.		
3. Phải thu khách hàng		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn	235.615.418.801	169.900.127.143
Tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 (*)	-	14.493.504.694
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	391.470.474.367	173.087.233.398
Tại Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2	565.069.400	1.333.675.000
Tại Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	136.470.396.166	-
Cộng	764.121.358.734	358.814.540.235
4. Trả trước người bán		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (*)	36.152.650.044	26.351.448.769
Tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	-	8.681.667.184
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5	8.242.747.304	-
Tại Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3	-	22.505.377.979
Tại Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2	1.610.106.026	3.522.625.699
Tại Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	36.714.940.980	-
Cộng	82.720.444.354	61.061.119.631
(*) Trong đó, khoản tiền thanh toán để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại vùng nuôi Vĩnh Hòa với số tiền là 15.664.600.000 VND.		
5. Các khoản phải thu khác		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH một thành viên Tổng Công ty lương thực Miền Nam – tiền hàng ủy thác xuất khẩu	-	3.235.336.800
Các khoản phải thu khác	962.288.739	2.359.380.221
Cộng	962.288.739	5.594.717.021
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 03 năm.		
7. Hàng tồn kho		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi đường	-	11.133.839.418
Nguyên liệu, vật liệu	99.819.343.226	242.554.338.932
Công cụ, dụng cụ	6.340.168.941	3.674.151.485

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	491.815.081.512	377.130.694.031
Thành phẩm	660.826.534.170	512.713.927.572
Hàng hóa	8.085.857	142.717.928
Hàng gửi đi bán	-	7.293.225.742
Cộng	<u>1.258.809.213.706</u>	<u>1.154.642.895.108</u>

8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng thành phẩm tồn kho.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Số đầu năm	57.179.357.401
Tăng do mua Công ty con	2.443.335.325
Hoàn nhập dự phòng	<u>(15.878.407.679)</u>
Số cuối kỳ	<u>43.744.285.047</u>

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	1.387.978.720	2.830.964.538
Chi phí bảo hiểm	2.404.684.531	1.669.013.910
Chi phí khác	995.361.957	-
Cộng	<u>4.788.025.208</u>	<u>4.499.978.448</u>

10. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng (*)	46.323.504.178	22.141.201.707
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	593.270.927	372.106.000
Cộng	<u>46.916.775.105</u>	<u>22.513.307.707</u>

(*) Trong đó, khoản tạm ứng cho các cá nhân để mua đất tại các vùng nuôi với tổng số tiền là 21.029.042.000 VND. Hiện tại, các vùng nuôi này đang trong giai đoạn hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng nhưng đã đưa vào khai thác.

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tài sản cố định khác</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá						
Số đầu năm	466.241.829.621	581.538.814.076	33.258.056.277	2.709.062.127	-	1.083.747.762.101
Tăng trong kỳ	95.764.565.195	104.263.455.711	11.737.441.538	3.757.050.537	19.856.907.159	235.379.420.140
Mua sắm mới	2.130.225.803	12.263.712.203	2.594.272.727	463.933.400	-	17.452.144.133
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	12.570.240.495	12.949.054.797	-	-	1.943.700.000	27.462.995.292
Tăng do mua Công ty con	80.769.667.548	79.050.688.711	9.128.628.678	3.238.565.774	17.913.207.159	190.100.757.870
Chênh lệch tỷ giá chuyển đổi báo cáo	294.431.349	-	14.540.133	54.551.363	-	363.522.845
Giảm trong kỳ	(67.417.172.932)	(125.487.401.806)	(10.931.072.645)	(668.307.162)	-	(204.503.954.545)
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.137.365.923)	(1.846.348.160)	(144.210.903)	-	(3.127.924.986)
Giảm do bán Công ty con	(62.039.658.588)	(95.370.657.623)	(6.567.082.135)	(524.096.259)	-	(164.501.494.605)
Phân loại lại	(5.377.514.344)	(28.979.378.260)	(2.517.642.350)	-	-	(36.874.534.954)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Số cuối kỳ	<u>494.589.221.884</u>	<u>560.314.867.981</u>	<u>34.064.425.170</u>	<u>5.797.805.502</u>	<u>19.856.907.159</u>	<u>1.114.623.227.696</u>
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	122.675.591.508	337.594.013.497	15.781.911.261	2.283.298.319	-	478.334.814.585
Tăng trong kỳ	55.116.615.929	82.762.147.053	5.361.106.440	2.260.010.401	9.014.322.840	154.514.202.663
Khấu hao trong kỳ	30.736.722.720	51.962.523.428	3.045.307.788	301.767.082	392.944.482	86.439.265.500
Tăng do mua Công ty con	24.317.326.567	30.799.623.625	2.308.528.580	1.912.743.939	8.621.378.358	67.959.601.069
Chênh lệch tỷ giá chuyển đổi báo cáo	62.566.642	-	7.270.072	45.499.380	-	115.336.094
Giảm trong kỳ	(27.198.549.966)	(79.562.163.064)	(9.217.671.800)	(626.014.585)	-	(116.604.399.415)
Thanh lý, nhượng bán	-	(865.373.686)	(1.096.546.651)	(192.537.896)	-	(2.154.458.233)
Giảm do bán Công ty con	(21.821.035.622)	(50.299.637.775)	(5.021.256.142)	(433.476.689)	-	(77.575.406.228)
Phân loại lại	(5.377.514.344)	(28.397.151.603)	(3.099.869.007)	-	-	(36.874.534.954)
Số cuối kỳ	<u>150.593.657.471</u>	<u>340.793.997.486</u>	<u>11.925.345.901</u>	<u>3.917.294.135</u>	<u>9.014.322.840</u>	<u>516.244.617.833</u>
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	343.566.238.113	243.944.800.579	17.476.145.016	425.763.808	-	605.412.947.516
Số cuối kỳ	<u>343.995.564.413</u>	<u>219.520.870.495</u>	<u>22.139.079.269</u>	<u>1.880.511.367</u>	<u>10.842.584.319</u>	<u>598.378.609.863</u>
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá theo sổ sách là 302.519.287.999 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	88.491.679.766	938.475.080	89.430.154.846
Mua trong kỳ	2.385.887.586	136.720.000	2.522.607.586
Tăng do mua Công ty con	51.161.986.796	32.934.980	51.194.921.776
Giảm do bán Công ty con	(12.279.871.360)	(233.245.290)	(12.513.116.650)
Số cuối kỳ	<u>129.759.682.788</u>	<u>874.884.770</u>	<u>130.634.567.558</u>
Trong đó:			
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	2.620.515.142	735.565.730	3.356.080.872
Khấu hao trong kỳ	979.800.935	64.604.238	1.044.405.173
Tăng do mua Công ty con	6.149.114.285	21.956.604	6.171.070.889
Giảm do bán Công ty con	(865.406.754)	(183.357.790)	(1.048.764.544)
Số cuối kỳ	<u>8.884.023.608</u>	<u>638.768.782</u>	<u>9.522.792.390</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	85.871.164.624	202.909.350	86.074.073.974
Số cuối kỳ	<u>120.875.659.180</u>	<u>236.115.988</u>	<u>121.111.775.168</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Một số tài sản cố định vô hình có nguyên giá là 73.578.759.134 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay Ngân hàng.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ(*)	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	79.007.780.242	176.549.005.798	(11.519.786.763)	244.036.999.277
XDCB dở dang	36.545.803.455	117.957.962.613	(27.573.247.421)	126.930.518.647
Chi phí cho các ao nuôi cá	2.513.617.322	16.007.999.721	(6.710.405.837)	11.811.211.206
Công trình xây dựng nhà xưởng	21.728.553.127	86.252.156.749	(954.529.091)	107.026.180.785
Xây dựng cơ bản dở dang khác	12.303.633.006	15.697.806.143	(19.908.312.493)	8.093.126.656
Cộng	115.553.583.697	294.506.968.411	(39.093.034.184)	370.967.517.924

(*) Trong đó: Chi phí xây dựng cơ bản do mua Công ty con là 13.082.798.659 VND.

14. Đầu tư vào công ty con

Tên công ty	Hoạt động chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết	Số đầu năm
			Số cuối kỳ	
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 ⁽ⁱ⁾	Sản xuất và kinh doanh thức ăn thủy sản	300.000.000.000 VND	-	69,80%
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) ⁽ⁱⁱ⁾	Kinh doanh mặt hàng thủy sản	499,912.00 USD	100%	100%
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 ⁽ⁱⁱⁱ⁾	Kinh doanh các mặt hàng lương thực	100.000.000.000 VND	99,30%	99,30%
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3 ^(iv)	Kinh doanh các mặt hàng lương thực	80.000.000.000 VND	100%	100%
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5 ^(v)	Sản xuất collagen thủy phân	100.000.000.000 VND	85%	97,14%
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang ^(vi)	Kinh doanh mặt hàng thủy sản	255.423.960.000 VND	99,06%	-

(i) Tại ngày 31 tháng 7 năm 2014, Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đã bán Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 34473 ngày 19 tháng 01 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi số BUS09-03694 ngày 30 tháng 11 năm 2009 do Bang California, Hoa Kỳ cấp, Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đầu tư vào Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) 100% vốn điều lệ với số tiền là USD 499,912.00.

(iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1401420853 thay đổi lần 06 ngày 30 tháng 09 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đầu tư vào Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 là 99.300.000.000 VND, tương đương 99,13% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn góp đủ vốn điều lệ.

(iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1401493918 ngày 21 tháng 9 năm 2011 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi ngày 17 tháng 4 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, vốn góp của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn vào Công ty TNHH lương thực

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Vĩnh Hoàn 3 là 72.000.000.000 VND, tương đương 90% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đã đầu tư 305.000.000 VND. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH lương thực thực phẩm Vĩnh Hoàn 3 là 71.695.000.000 VND.

- (v) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1401587429 thay đổi lần 02 ngày 15 tháng 8 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, vốn góp của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn vào Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5 là 85 tỷ VND, tương đương 85% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn góp đủ vốn điều lệ.
- (vi) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1200667963 thay đổi lần 13 ngày 21 tháng 08 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp, vốn góp của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn vào Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang là 253.023.960.000 VND, tương đương 99,06% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn góp đủ vốn điều lệ.

Năm 2012 Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đã thành lập Công ty TNHH một thành viên Vĩnh Hoàn 4 (Công ty con) theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 140171196 ngày 05 tháng 4 năm 2012. Việc góp vốn vào Công ty trên sẽ được thực hiện trong thời gian tới.

15. Đầu tư dài hạn khác

Cho vay vốn trong thời hạn 30 tháng.

16. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ (*)	Phân bổ vào chi phí trong kỳ	Số cuối kỳ
Công cụ, dụng cụ và chi phí khác	38.726.967.578	12.201.618.730	(11.403.709.708)	39.524.876.600
Tiền thuê đất	7.665.081.498	1.370.540.852	(1.677.593.827)	7.358.028.523
Chi phí thành lập	1.004.719.573	3.509.045.512	-	4.513.765.085
Chi phí trước hoạt động	680.718.965	-	-	680.718.965
Chi phí đào ao, xây dựng cồn	-	17.496.120.851	(1.115.198.322)	16.380.922.529
Chi phí gia cố ao nuôi	-	7.181.379.083	(1.025.311.135)	6.156.067.948
Chi phí khác	-	8.221.856.067	(233.750.485)	7.988.105.582
Cộng	48.077.487.614	49.980.561.095	(15.455.563.477)	82.602.485.232

(*) Trong đó: Chi phí trả trước dài hạn do mua Công ty con là 31.479.716.927 VND.

17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

Số đầu năm	3.329.418.949
Phát sinh trong kỳ	3.889.131.301
Số cuối kỳ	7.218.550.250

18. Tài sản dài hạn khác

Các khoản ký quỹ dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh khu vực Đồng Tháp – An Giang	-	3.200.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp	-	-
Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	1.420.265.912.001	441.269.864.823
Ngân hàng Natixis - Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh	-	-
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) ⁽ⁱⁱ⁾	159.296.384.903	67.752.770.215
Cộng	<u>1.579.562.296.904</u>	<u>512.222.635.038</u>

(i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố một số tài khoản tiền gửi có kỳ hạn; thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản cố định.

(ii) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các khoản phải thu.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn:

Số đầu năm	512.222.635.038
Tăng do mua công ty con	366.867.255.419
Số tiền vay phát sinh	3.945.582.445.335
Chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	9.266.315.575
Số tiền vay đã trả	<u>(3.254.376.354.463)</u>
Số cuối kỳ	<u>1.579.562.296.904</u>

20. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn	130.704.139.689	56.258.226.361
Tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	-	25.582.110.871
Tại Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2	222.850.335	1.974.294.510
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5	19.092.539.642	284.738.104
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	37.906.768.403	3.155.394
Tại Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	21.323.526.404	-
Cộng	<u>209.249.824.473</u>	<u>84.102.525.240</u>

21. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn	15.695.301.425	5.533.629.938
Tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	-	51.529.416
Tại Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2	1.088.809.000	1.801.610.000
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	-	985.268.812
Tại Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	1.043.623.766	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cộng	<u>17.827.734.191</u>	<u>8.372.038.166</u>

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.074.913.020	7.762.534.321	(8.837.447.341)	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	13.825.437.583	(13.936.455.897)	(111.018.314)
Thuế xuất, nhập khẩu (*)	(127.746.901)	359.256.755	(988.367.495)	(756.857.641)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.875.894.469	108.688.450.851	(49.366.746.196)	69.197.599.124
Thuế thu nhập cá nhân	923.056.243	9.443.375.141	(10.380.564.642)	(14.133.258)
Thuế nhà đất	-	1.967.969.313	(1.977.610.617)	(9.641.304)
Các loại thuế khác	-	2.092.460.496	(2.092.460.496)	-
Cộng	<u>11.746.116.831</u>	<u>144.139.484.460</u>	<u>(87.579.652.684)</u>	<u>68.305.948.607</u>

(*) Các khoản thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

23. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả người lao động.

24. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	899.085.253	237.711.705
Chi phí vận chuyển	5.911.178.333	14.431.569.893
Chi phí khác	6.592.950.838	5.243.289.371
Cộng	<u>13.403.214.424</u>	<u>19.912.570.969</u>

25. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn	9.728.874.928	7.549.230.208
Cổ tức phải trả	63.031.425	3.033.256.000
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức - tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	2.338.325.411	3.975.834.292
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang - tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	-	92.059.995.316
Công ty TNHH Lâm Gia Huỳnh Đệ - tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	2.015.494.952	-
Các khoản phải trả khác	138.668.156.584	1.424.798.194
Cộng	<u>152.813.883.300</u>	<u>108.043.114.010</u>

26. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng chi phí của vụ kiện chống bán phá giá tại Mỹ.

27. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	61.057.500.100
Tăng do mua Công ty con	2.628.833.500

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Trích quỹ trong kỳ	10.000.000.000
Chi quỹ trong kỳ	<u>(15.096.254.104)</u>
Số cuối kỳ	<u>58.590.079.496</u>

28. Vay và nợ dài hạn

Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để thanh toán hoặc bù đắp các chi phí hợp lý, hợp lệ, hợp pháp liên quan dự án đầu tư nhà máy chế biến gạo xuất khẩu Vĩnh Hoàn 2. Lãi suất cho vay theo lãi suất tiết kiệm VND 12 tháng loại trả sau do bên cho vay công bố + biên độ cố định 3,6%/năm nhưng không cao hơn trần lãi suất cho vay áp dụng đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn do bên cho vay công bố từng thời kỳ. Thời hạn vay là 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư nhà máy chế biến gạo xuất khẩu Vĩnh Hoàn 2.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn:

Từ 01 năm trở xuống	-
Trên 01 năm đến 05 năm	31.773.382.959
Trên 05 năm	<u>31.773.382.960</u>
Tổng nợ	<u>63.546.765.919</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn như sau:

Số đầu năm	84.116.433.338
Số tiền vay đã trả trong kỳ	<u>(20.569.667.419)</u>
Số cuối kỳ	<u>63.546.765.919</u>

29. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm trang 41.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả trong kỳ là 165.409.164.500 VND.

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	61.602.703	61.404.913
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	61.602.703	61.404.913
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	61.602.703	61.404.913
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.198.750	1.198.750
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.198.750	1.198.750
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	60.403.953	60.206.163
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	60.403.953	60.206.163
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) từ USD sang VND.

30. Lợi ích của cổ đông thiểu số

Số đầu năm	88.388.522.761
Vốn góp của cổ đông thiểu số tăng trong kỳ	72.950.040.000
Lợi nhuận trong kỳ	24.335.435.159
Trừ lợi nhuận đã chia	(75.099.920.000)
Giảm do bán Công ty con	(93.174.880.303)
Cộng	17.399.197.617

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	4.305.921.820.349	3.719.502.061.206
- <i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	265.172.238.839	243.611.397.787
- <i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	3.487.308.504.195	3.042.607.829.314
- <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	15.862.160.017	23.466.344.021
- <i>Doanh thu nguyên vật liệu</i>	45.945.024.765	13.339.087.154
- <i>Doanh thu phụ phẩm</i>	491.633.892.533	396.477.402.930
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(2.294.428.935)	(8.201.563.708)
- <i>Giảm giá hàng bán</i>	(88.828.451)	(2.501.181.200)
- <i>Hàng bán bị trả lại</i>	(2.205.600.484)	(5.700.382.508)
Doanh thu thuần	4.303.627.391.414	3.711.300.497.498
<i>Trong đó:</i>		
- <i>Doanh thu thuần bán hàng hóa</i>	265.172.238.839	243.603.736.987
- <i>Doanh thu thuần bán thành phẩm</i>	3.485.102.903.711	3.036.246.790.406
- <i>Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ</i>	15.862.160.017	23.466.344.021
- <i>Doanh thu thuần nguyên vật liệu</i>	45.945.024.765	13.339.087.154
- <i>Doanh thu thuần phụ phẩm</i>	491.545.064.082	394.644.538.930

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa	243.761.955.872	216.083.711.626
Giá vốn của thành phẩm	3.005.690.063.105	2.699.903.085.724
Giá vốn của nguyên vật liệu	42.687.790.853	7.316.480.809
Giá vốn của phụ phẩm	436.568.735.417	360.213.909.629
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(15.878.407.679)	(1.610.202.199)
Cộng	3.712.830.137.568	3.281.906.985.589

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	7.365.142	60.239.916.853
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	292.741.972	276.997.934
Lãi cho vay	4.770.444.162	766.621.339
Lãi ứng trước tiền mua nguyên liệu	2.213.035.667	4.696.163.434
Lãi bán hàng trả chậm	1.873.488.693	2.569.389.283
Lãi bán công ty con	182.894.483.002	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	17.596.768.946	11.172.496.943
Cộng	209.648.327.584	79.721.585.786

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	24.145.116.593	61.151.934.297
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	10.378.882.554	13.025.551.833
Cộng	34.523.999.147	74.177.486.130

5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	6.119.444.182	4.871.772.269
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.918.371.313	2.883.094.585
Chi phí khấu hao tài sản cố định	148.137.873	94.611.125
Chi phí dịch vụ mua ngoài	113.902.205.417	96.685.757.050
Chi phí khác	58.385.762.175	66.203.384.315
Cộng	185.473.920.960	170.738.619.344

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	31.344.432.353	24.184.266.012
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	2.269.071.606	1.127.149.952
Chi phí khấu hao TSCĐ	8.496.519.095	6.590.162.858
Thuế, phí và lệ phí	2.273.029.933	1.653.580.634
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.586.427.645	5.530.200.915
Chi phí khác	19.492.915.120	27.753.605.871
Cộng	73.462.395.752	66.838.966.242

7. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	2.369.265.486	-
Các khoản nợ không phải trả	39.416.871	16.283.562
Thu nhập khác	3.143.582.252	8.630.802.485
Cộng	5.552.264.609	8.647.086.047

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu	48.183.884	-
Chi phí khác	12.930.172.246	4.611.139.649
Cộng	12.978.356.130	4.611.139.649

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	375.573.808.350	149.666.560.422
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	375.573.808.350	149.666.560.422
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	60.403.953	60.206.163
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.217	2.486

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Hội đồng quản trị và Ban điều hành		
Mua nguyên vật liệu	-	13.265.107.960
Mua cổ phiếu	356.600.000.000	-
Bán hàng hóa	-	644.571.543
Các cá nhân có liên quan		
Mua nguyên vật liệu	4.522.475.920	7.902.250.300
Bán hàng hóa	-	286.575.046

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

Số cuối kỳ

Số đầu năm

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hội đồng quản trị và Ban điều hành	286.387.046	20.000.000
Cộng nợ phải thu	286.387.046	20.000.000
Các cá nhân có liên quan	-	825.795.280
Cộng nợ phải trả	-	825.795.280

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan

Công ty TNHH thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức

Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang

Mối quan hệ

Công ty do người có liên quan với Chủ tịch HĐQT Công ty tham gia góp vốn

Công ty con 100% vốn của Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức. Từ ngày 01/08/2014 là công ty con của công ty cổ phần Vĩnh Hoàn.

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa các Công ty trong Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

Công ty TNHH thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức

Mua nguyên liệu, hàng hóa, dịch vụ	5.563.612.221
Bán nguyên liệu, thành phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ	12.837.620.505
Giá trị hàng nhận xuất khẩu ủy thác	8.982.752.271
Giá trị hàng ủy thác xuất khẩu	4.214.115.585

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức		
Phải thu tiền hàng, tiền hàng ủy thác xuất khẩu	-	533.043.825
Cộng nợ phải thu	-	533.043.825
Công ty TNHH thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức		
Phải trả tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	2.338.325.411	3.975.834.292
Phải trả tiền hàng	-	2.556.362.241
Cộng nợ phải trả	2.338.325.411	6.532.196.533

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)



Đồng Tháp, ngày 13 tháng 11 năm 2014

[Handwritten signature]

Hà TPT Hồng Nhung
Người lập biểu

[Handwritten signature]

Hà TPT Hồng Nhung
Kế toán trưởng

[Handwritten signature]

Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VINH HOÀNĐịa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

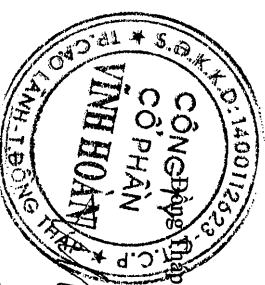
Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đổi	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
						Cộng	
Số dư đầu năm trước	475,112,730,000	190,492,000,000	(36,897,215,355)	3,991,224,376	-	696,298,161,346	1,328,996,900,367
Phát hành cổ phiếu bằng cổ tức	138,936,400,000	-	-	-	-	(138,936,400,000)	-
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	158,385,911,455	158,385,911,455
Trích quỹ trong năm trước	-	-	-	-	-	(19,731,501,734)	(19,731,501,734)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do chuyển đổi báo cáo	-	-	-	242,340,898	-	-	242,340,898
Số dư cuối năm trước	614,049,130,000	190,492,000,000	(36,897,215,355)	4,233,565,274	-	696,016,171,067	1,467,893,650,986
Số dư đầu năm nay	614,049,130,000	190,492,000,000	(36,897,215,355)	4,233,565,274	-	696,016,171,067	1,467,893,650,986
Phát hành cổ phiếu bằng cổ tức	1,977,900,000	-	-	-	-	-	1,977,900,000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	375,573,808,350	375,573,808,350
Trích quỹ trong kỳ	-	-	-	-	-	(10,000,000,000)	(10,000,000,000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(90,309,244,500)	(90,309,244,500)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do chuyển đổi báo cáo	-	-	-	89,742,940	-	-	89,742,940
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	616,027,030,000	190,492,000,000	(36,897,215,355)	4,323,308,214	-	971,280,734,917	1,745,225,857,776



Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Người lập biểu



Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Kế toán trưởng

Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung, ngày 13 tháng 11 năm 2014

Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc